

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán hoàn thành công trình
Xây dựng cầu Phủ tại Km5+100 đường tỉnh 509, huyện Hoằng Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 3709/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình: Xây dựng cầu Phủ tại Km5+100 đường tỉnh 509, huyện Hoằng Hóa;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 6534/STC-ĐT ngày 08/12/2020 về việc phê duyệt quyết toán hoàn thành công trình: Xây dựng cầu Phủ tại Km5+100 đường tỉnh 509, huyện Hoằng Hóa (kèm theo báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán công trình hoàn thành); của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 4286/TTr-SGTVT ngày 09/10/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành:

- **Tên công trình:** Xây dựng cầu Phủ tại Km5+100 đường tỉnh 509, huyện Hoằng Hóa.
- **Chủ đầu tư:** Sở Giao thông vận tải.
- **Địa điểm xây dựng:** Trên tuyến đường tỉnh 509 thuộc địa phận huyện Hoằng Hóa, Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.
- **Thời gian thực hiện:** Khởi công: 02/10/2019; hoàn thành: 12/3/2020.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị: Đồng

Nguồn vốn	Dự toán được duyệt lần cuối	Giá trị phê duyệt quyết toán	Thực hiện	
			Số vốn đã thanh toán	Còn được thanh toán
Tổng số:	10.908.623.000	8.567.613.000	7.600.000.000	967.613.000
Vốn ngân sách tỉnh	10.908.623.000	8.567.613.000	7.600.000.000	967.613.000

2. Chi phí đầu tư:

Đơn vị: Đồng

Nội dung	Dự toán phê duyệt lần cuối	Giá trị quyết toán
Tổng số:	10.908.623.000	8.567.613.000
- Chi phí xây dựng	7.676.335.000	7.676.017.000
- Chi phí quản lý dự án	195.131.000	195.131.000
- Chi phí tư vấn ĐTXD	815.954.000	661.692.000
- Chi phí khác	72.543.000	34.773.000
- Chi phí GPMB	1.710.662.000	
- Dự phòng	437.998.000	

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị công trình: Không.

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị: Đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
Tổng số:			8.567.613.000	
- Tài sản dài hạn (TSCĐ):			8.567.613.000	
- Tài sản ngắn hạn:				

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: không

Điều 3. Trách nhiệm của Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư :

1.1. Được phép tất toán nguồn vốn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị: Đồng

Nguồn vốn	Số tiền	Ghi chú
Tổng số	8.567.613.000	
Vốn ngân sách tỉnh (từ nguồn vốn dự phòng NS tỉnh)	8.567.613.000	

1.2. Tổng các khoản công nợ tính đến ngày 25 tháng 9 năm 2020:

- Nợ phải thu:	0 đồng.
- Nợ phải trả:	967.613.000 đồng.
+ <i>Sở Giao thông vận tải:</i>	<i>2.073.000 đồng;</i>
+ <i>Công ty TNHH xây dựng vận tải Xuân Thanh:</i>	<i>515.881.000 đồng;</i>
+ <i>Ban QLDA giao thông III Thanh Hóa (nay là Ban QLDA đầu tư XDCT giao thông số 2 Thanh Hóa):</i>	<i>416.959.000 đồng;</i>
+ <i>Sở Tài chính:</i>	<i>32.700.000 đồng.</i>

1.3. Vật tư thiết bị tồn đọng: Không

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản

Đơn vị: Đồng

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/ cố định	Tài sản ngắn hạn
Tổng số	8.567.613.000	
UBND huyện Hoằng Hóa	8.567.613.000	

3. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan: Hạch toán theo chế độ hiện hành.

4. Các nghiệp vụ thanh toán khác: Thanh toán theo chế độ hiện hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và đầu tư, Giao thông vận tải; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban QLDA đầu tư XDCT giao thông số 2 Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Hoằng Hóa và Thủ trưởng các đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Mai Xuân Liêm;
- Lưu: VT, CN (H'50.928).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Mai Xuân Liêm